# **QUẢN LÝ BÁO CÁO**

Use case Description

1. **Admin dashboard**
2. *Search by Time Range*

| Use case name: Search by Time Range | ID: RM-1 | Priority: Must have |
| --- | --- | --- |
| Actor: Admin | | |
| Brief Description: Cho phép Admin lọc dữ liệu thống kê trên dashboard theo khoảng thời gian cụ thể như: tuần, tháng, quý hoặc năm để phục vụ theo dõi xu hướng và hiệu suất. | | |
| Trigger: Admin muốn phân tích dữ liệu trong một giai đoạn cụ thể.  Type: ☑ External □ Temporal | | |
| Precondition:   1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập vào bảng điều khiển thống kê (Admin Dashboard). 3. Hệ thống đã ghi nhận dữ liệu hoạt động từ các bên (client, freelancer, dự án...). | | |
| Normal Course:   1. Admin truy cập Trang quản trị > Dashboard thống kê từ thanh menu bên trái. 2. Tại góc trên bên phải, Admin chọn ô lọc “Khoảng thời gian” (📅). 3. Admin chọn một mốc thời gian cụ thể, ví dụ: “Tháng 6 năm 2025”. 4. Các biểu đồ, bảng dữ liệu được cập nhật để phản ánh đúng dữ liệu của mốc thời gian đó. | **Information for Steps:**   1. Dashboard hiển thị biểu đồ dạng cột, tròn và bảng số liệu tổng hợp. Góc trên có thanh công cụ bộ lọc. 2. Đây là ô chọn dạng dropdown có các mốc sẵn: Tuần này, Tháng này, Quý hiện tại, Năm nay, hoặc tùy chỉnh theo ngày. 3. Khi chọn, hệ thống tự động làm mới (refresh) biểu đồ và số liệu theo khoảng thời gian đã chọn. 4. Hệ thống xử lý truy vấn backend và hiển thị biểu đồ được filter chính xác (VD: số dự án tạo trong tháng 6, ngân sách chi). | |
| Postconditions:   1. Dữ liệu hiển thị đã được lọc theo khoảng thời gian mong muốn. 2. Admin có thể tải xuống báo cáo (nút Export), hoặc tiếp tục phân tích bằng các bộ lọc khác. | | |

1. *Search by User Type*

| Use case name: Search by User Type | ID: RM-2 | Priority: Must have |
| --- | --- | --- |
| Actor: Admin | | |
| Brief Description: Cho phép Admin lọc dữ liệu trên dashboard theo loại người dùng: Freelancer, Client hoặc Tất cả, nhằm phân tích hiệu suất và tương tác của từng nhóm. | | |
| Trigger: Khi Admin muốn so sánh hoặc xem chi tiết dữ liệu theo nhóm người dùng.  Type: ☑ External □ Temporal | | |
| Precondition:   1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập vào bảng điều khiển thống kê (Admin Dashboard). 3. Hệ thống đã ghi nhận dữ liệu hoạt động từ các bên (client, freelancer, dự án...). | | |
| Normal Course:   1. Admin truy cập Trang quản trị > Dashboard thống kê từ thanh menu bên trái. 2. Admin nhấn vào dropdown “Loại người dùng” nằm kế bên bộ lọc thời gian. 3. Admin chọn “Freelancer” (ví dụ). 4. Dashboard cập nhật các biểu đồ và bảng dữ liệu tương ứng. | **Information for Steps:**   1. Dashboard hiển thị biểu đồ dạng cột, tròn và bảng số liệu tổng hợp. Góc trên có thanh công cụ bộ lọc. 2. Dropdown có các tùy chọn: Freelancer, Client, Tất cả. 3. Hệ thống lọc lại tất cả biểu đồ để chỉ hiển thị dữ liệu liên quan đến freelancer. 4. Dữ liệu biểu đồ được làm mới: số lượng freelancer đăng ký, dự án họ đã tham gia, tỉ lệ hoàn thành... | |
| Postconditions:   1. Dashboard hiện thông tin chi tiết theo nhóm người dùng đã chọn. 2. Admin có thể tải xuống báo cáo (nút Export), hoặc tiếp tục phân tích bằng các bộ lọc khác. | | |

1. *Search by Project Type*

| Use case name: Search by Project Type | ID: RM-3 | Priority: Must have |
| --- | --- | --- |
| Actor: Admin | | |
| Brief Description: Cho phép Admin lọc dữ liệu dashboard theo loại dự án (ví dụ: Thiết kế, IT, Marketing) để phân tích chuyên biệt từng lĩnh vực. | | |
| Trigger: Khi cần phân tích hiệu suất hoặc xu hướng theo từng loại dự án cụ thể.  Type: ☑ External □ Temporal | | |
| Precondition:   1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập vào bảng điều khiển thống kê (Admin Dashboard). 3. Hệ thống đã ghi nhận dữ liệu hoạt động từ các bên (client, freelancer, dự án...). | | |
| Normal Course:   1. Admin truy cập Trang quản trị > Dashboard thống kê từ thanh menu bên trái. 2. Admin nhấn vào dropdown “Loại dự án” nằm bên cạnh các bộ lọc khác. 3. Admin chọn một loại dự án cụ thể, ví dụ: “IT”. 4. Dashboard cập nhật các biểu đồ và bảng dữ liệu tương ứng. | **Information for Steps:**   1. Dashboard hiển thị biểu đồ dạng cột, tròn và bảng số liệu tổng hợp. Góc trên có thanh công cụ bộ lọc. 2. Dropdown chứa danh sách: Design, IT, Marketing, Biên dịch, Kế toán… 3. Hệ thống lọc dữ liệu, hiển thị chỉ các dự án thuộc loại đã chọn, bao gồm hiệu suất, ngân sách, thời gian trung bình hoàn thành… 4. Mọi biểu đồ, chỉ số liên quan đến loại dự án khác sẽ được ẩn hoặc làm mờ. | |
| Postconditions:   1. Dữ liệu hiển thị đã được lọc theo khoảng thời gian mong muốn. 2. Admin có thể tải xuống báo cáo (nút Export), hoặc tiếp tục phân tích bằng các bộ lọc khác. | | |

1. *Read Dashboard Overview*

| Use case name: Read Dashboard Overview | ID: RM-4 | Priority: Must have |
| --- | --- | --- |
| Actor: Admin | | |
| Brief Description: Cho phép Admin xem các chỉ số tổng quan về nền tảng dưới dạng biểu đồ, bảng dữ liệu: số lượng dự án, số người dùng, hiệu suất, ngân sách... | | |
| Trigger: Khi Admin truy cập vào dashboard sau khi đăng nhập.  Type: ☑ External □ Temporal | | |
| Precondition:   1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập vào bảng điều khiển thống kê (Admin Dashboard). 3. Hệ thống đã ghi nhận dữ liệu hoạt động từ các bên (client, freelancer, dự án...). | | |
| Normal Course:   1. Admin đăng nhập và chọn mục “Dashboard” trong menu quản trị. 2. Dashboard hiển thị các biểu đồ dạng cột, tròn, đường, kèm theo số liệu tổng hợp. 3. Admin có thể rê chuột để xem tooltip chi tiết từng điểm dữ liệu. 4. Admin có thể dùng các bộ lọc bổ sung (theo thời gian, loại người dùng...) | **Information for Steps:**   1. Đây là mục đầu tiên trong trang quản trị. Khi mở, hệ thống tự động load dữ liệu tổng quan. 2. Dữ liệu bao gồm: số dự án được tạo, số người dùng mới, tổng doanh thu, tỉ lệ hoàn thành dự án, thời gian xử lý trung bình… 3. Tooltip hiển thị giá trị chính xác, thời gian, loại người dùng liên quan, v.v 4. Các bộ lọc sẽ làm mới tất cả biểu đồ và số liệu liên quan. | |
| Postconditions:   1. Admin nắm được bức tranh tổng thể về hoạt động nền tảng. 2. Có thể ra quyết định dựa trên số liệu được hiển thị trực quan. | | |